

QUỐC HỘI
Số: 110-SL/L.12

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 1958

LUẬT

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

(Đã được Quốc hội biểu quyết trong phiên họp ngày 29-4-1958)

CHƯƠNG THỨ NHẤT

HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 1.

Chính quyền địa phương tổ chức như sau:

Các khu tự trị, các thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, xã, thị trấn có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban hành chính (UBHC).

Các huyện có Ủy ban hành chính.

Các khu phố ở các thành phố và thị xã lớn có Ban hành chính khu phố. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc của Ban hành chính khu phố do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 2.

Các thành phố có thể chia thành khu phố có Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Điều kiện thành lập khu phố có Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính và tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền khu phố do Hội đồng Chính phủ quy định.

CHƯƠNG THỨ HAI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

MỤC 1

TỔ CHỨC

Điều 3.

Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân bầu ra.

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp và cách thức bầu cử do luật bầu cử quy định.

Điều 4.

Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh là 3 năm.

Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp khác là 2 năm.

Điều 5.

Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vì lý do gì mà không đảm nhiệm được chức vụ đại biểu, thì cử tri thuộc đơn vị bầu cử đã bầu ra đại biểu đó sẽ bầu người thay thế.

MỤC 2

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6.

Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi quyền hạn của mình, căn cứ vào nhiệm vụ chung của Nhà nước và nhu cầu của địa phương, Hội đồng nhân dân lãnh đạo các ngành công tác, các mặt sinh hoạt, và quyết định tất cả công việc Nhà nước trong phạm vi địa phương được quyền quản lý, dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của trung ương.

Điều 7.

Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành luật lệ của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

2) Ra những nghị quyết thi hành trong phạm vi địa phương.

Những nghị quyết thuộc quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi ban hành.

3) Căn cứ vào kế hoạch chung của Nhà nước, quyết định kế hoạch kiến thiết kinh tế, kiến thiết văn hoá, công tác xã hội và sự nghiệp lợi ích công cộng.

4) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định những công việc thuộc nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong địa phương.

5) Thẩm tra và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách.

6) Bầu cử uỷ viên Uỷ ban hành chính cấp mình.

7) Thẩm tra các báo cáo công tác của Ủy ban hành chính cấp mình.

8) Sửa đổi hoặc huỷ bỏ những nghị quyết không thích đáng của Ủy ban hành chính cấp mình, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính cấp dưới.

Xét duyệt những nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính cấp dưới trong các trường hợp do luật lệ quy định.

9) Bảo vệ tài sản công cộng.

10) Bảo vệ trật tự an ninh chung.

11) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Trong sự thực hành các nhiệm vụ và quyền hạn nói trên, Hội đồng nhân dân các khu tự trị chiểu theo pháp luật mà thực hiện các quyền lợi của khu tự trị.

Điều 8.

Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Hội đồng nhân dân thị xã, xã, thị trấn, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành luật lệ của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

2) Ra những nghị quyết thi hành trong phạm vi địa phương.

Những nghị quyết thuộc thẩm quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi ban hành.

3) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên quyết định kế hoạch sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp, quyết định kế hoạch về sự nghiệp hợp tác tương trợ và các công tác kinh tế khác.

4) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện công tác văn hoá, xã hội.

5) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện công trình lợi ích công cộng.

6) Thẩm tra và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách.

7) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện các công tác quân sự trong địa phương.

8) Bầu cử uỷ viên Ủy ban hành chính cấp mình (và Ủy ban hành chính huyện nếu là các Hội đồng nhân dân xã, thị trấn).

9) Thẩm tra các báo cáo công tác của Ủy ban hành chính cấp mình.

10) Sửa đổi hoặc huỷ bỏ những nghị quyết không thích đáng của Ủy ban hành chính cấp mình.

11) Bảo vệ tài sản công cộng.

12) Bảo vệ trật tự, an ninh chung.

13) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Điều 9.

Hội đồng nhân dân các cấp có quyền bãi miễn uỷ viên Ủy ban hành chính do mình bầu ra.

MỤC 3

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 10.

Hội nghị Hội đồng nhân dân do Ủy ban hành chính cùng cấp triệu tập.

Điều 11.

Hội đồng nhân dân khu tự trị và tỉnh họp 6 tháng một lần.

Hội đồng nhân dân thành phố và châu họp 3 tháng một lần.

Hội đồng nhân dân thị xã, xã, thị trấn họp ít nhất 3 tháng một lần.

Điều 12.

Ngoài các khoá họp thường kỳ nói ở điều 11, Ủy ban hành chính các cấp có thể triệu tập hội nghị bất thường của Hội đồng nhân dân cấp mình nếu xét thấy cần thiết, hoặc theo chỉ thị của cấp trên, hoặc khi có từ 1/3 tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên yêu cầu.

Điều 13.

Mỗi kỳ họp hội nghị, Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch đoàn để điều khiển hội nghị.

Hội nghị có một hay nhiều thư ký do Chủ tịch đoàn đề cử và Hội đồng nhân dân thông qua.

Điều 14.

Khi họp hội nghị, Hội đồng nhân dân các cấp có thể lập những Tiểu ban cần thiết trong thời gian hội nghị.

Điều 15.

Trong hội nghị, đại biểu Hội đồng nhân dân, Chủ tịch đoàn và Ủy ban hành chính cùng cấp đều có thể đề xuất vấn đề, kèm dự án nghị quyết. Các dự án này do Chủ tịch đoàn đưa ra hội nghị thảo luận, hoặc giao cho một Tiểu ban xét trước rồi đưa ra hội nghị thảo luận, hoặc giao cho Ủy ban hành chính nghiên cứu để trình bày trong phiên họp sau của Hội đồng.

Điều 16.

Hội đồng nhân dân các cấp phải có quá nửa số đại biểu đến họp thì biểu quyết mới có giá trị. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được quá nửa số đại biểu có mặt biểu quyết thoả thuận mới có giá trị.

Đối với Hội đồng nhân dân các cấp trong khu vực có dân tộc thiểu số, trước khi biểu quyết một vấn đề quan trọng có liên quan đến một dân tộc nào, nhất thiết cần thảo luận với đại biểu của dân tộc ấy.

Điều 17.

Khi Hội đồng nhân dân các cấp họp hội nghị, cán bộ phụ trách các cơ quan chuyên môn cùng cấp có thể được mời đến tham dự.

Những người được mời tới dự có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 18.

Trừ trường hợp đặc biệt phải họp kín, Hội đồng nhân dân các cấp họp công khai, có nhân dân dự thính.

Điều 19.

Trong thời gian Hội đồng nhân dân họp hội nghị, nếu không có sự đồng ý của Chủ tịch đoàn thì không được bắt và xét hỏi đại biểu. Trong trường hợp phạm pháp quả tang hoặc trường hợp khẩn cấp thì cơ quan có trách nhiệm, sau khi bắt giữ một đại biểu, phải lập tức xin Chủ tịch đoàn thoả thuận.

Điều 20.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng cấp phí đi đường và lưu trú mỗi khi họp hội nghị. Chế độ cấp phí do Chính phủ quy định.

MỤC 4

QUAN HỆ GIỮA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ CỬ TRI